

Số: /TB-BQLQ

Thanh Hoá, ngày tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO
Kết quả thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2021
trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai; số 83/2019/NĐ-CP ngày 17/10/2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá: Số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 về việc thành lập Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh; số 1461/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1851/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thu, nộp Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa năm 2021;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh cho các đơn vị, địa phương để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: số 1851/QĐ-UBND ngày 01/6/2021; số 1384/QĐ-UBND ngày 27/4/2021; số 2771/QĐ-UBND ngày 23/7/2021; số 2827/QĐ-UBND ngày 27/7/2021;

Trên cơ sở kết quả thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai năm 2021; xác nhận số dư tài khoản tiền gửi của Quỹ Phòng, chống thiên tai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh năm 2021; Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa (Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai cấp tỉnh), Thông báo công khai kết quả thu, chi Quỹ Phòng, chống thiên tai (Quỹ) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Về kết quả thu, nộp Quỹ (Tính đến ngày 31/12/2021)

Tổng số tiền thu, nộp Quỹ năm 2021 trên địa bàn tỉnh được là **33.963,91 triệu đồng**, bao gồm:

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thu, nộp trực tiếp về tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh: 27.891,16 triệu đồng

Trong đó:

- + Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức Đảng, đoàn thể cấp tỉnh: 1.957,17 triệu đồng;
- + Các huyện, thị xã, thành phố: 18.025,42 triệu đồng;

- + Các đơn vị lực lượng vũ trang: 797,30 triệu đồng;
- + Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài do Cục Thuế tỉnh quản lý (doanh nghiệp): 3.938,99 triệu đồng;
- + Các cơ quan, đơn vị, cá nhân do UBND huyện, thị, xã thành phố trực tiếp thu, nộp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh: 820,58 triệu đồng;
- + Các cơ quan, đơn vị nộp theo kế hoạch thu của năm 2020: 2.351,69 triệu đồng.

- UBND huyện, thị xã, thành phố để lại (23% tổng số thu trên địa bàn) chi cho hoạt động phòng, chống thiên tai; chi thù lao cho lực lượng trực tiếp đi thu và chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ theo Điều 1 Nghị định số 83/2019/NĐ-CP của Chính phủ là 6.072,74 triệu đồng.

(Chi tiết kết quả thu, nộp Quỹ năm 2021 tại phụ lục và các phụ biểu kèm theo)

2. Về kế hoạch chi và kết quả giải ngân, thanh toán (Tính đến ngày 31/12/2021)

2.1. Về kế hoạch chi

Trong năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt phân bổ kinh phí từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai cho các địa phương, đơn vị để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh được là **31.315.280.000 đồng**.

2.2. Về giải ngân, thanh toán

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh năm 2021; các quy định, hướng dẫn có liên quan; Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh đã giải ngân chi tạm ứng, thanh toán cho các đơn vị, địa phương với tổng số tiền là **21.839.839.425 đồng**.

3. Số dư tài khoản và số tiền chưa có kế hoạch chi

Tính đến ngày 31/12/2021, theo xác nhận Kho bạc Nhà nước tỉnh, tổng số dư tài khoản của Cơ quan quản lý Quỹ là **54.253,18 triệu đồng**, trong đó số tiền chưa có kế hoạch chi là **30.325,48 triệu đồng**.

(Có xác nhận số dư tài khoản của Kho bạc Nhà nước kèm theo).

Cơ quan quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thông báo đến các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để biết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở NN&PTNT (báo cáo);
- Sở Tài chính (báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://thanhhoafdfund.gov.vn/>;
- Lưu: VT, BQLQ.

GIÁM ĐỐC

Lê Công Cường

Phụ lục:**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỈNH THANH HOÁ, NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / /2022 của Ban quản lý Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh)

DVT: VN Đồng

STT	Đơn vị/tổ chức	Kết quả thu, nộp Quỹ năm 2021 (đến ngày 31/12/2021)			Ghi chú
		Cộng	Số tiền nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	UBND cấp huyện để lại (23%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức Đảng, đoàn thể cấp tỉnh	1.957.176.727	1.957.176.727		Phụ biểu 01
II	Các huyện, thị xã, thành phố	23.409.637.974	18.025.421.240	5.384.216.734	Phụ biểu 02
III	Lực lượng vũ trang	797.300.000	797.300.000		Phụ biểu 03
VI	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý	3.938.996.555	3.938.996.555		Phụ biểu 04
V	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thu nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	820.581.510	820.581.510		Phụ biểu 05
VI	Các cơ quan, đơn vị, địa phương nộp theo kế hoạch năm 2020	3.040.214.314	2.351.689.455	688.524.859	Phụ biểu 06
TỔNG CỘNG		33.963.907.080	27.891.165.487	6.072.741.593	

Phụ biểu 01:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỪ KHỎI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐOÀN THỂ CẤP TỈNH; CƠ QUAN TRUNG
ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / 2022 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hoá)

ĐVT: VN Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số tiền nộp về Cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh (Tính đến ngày 31/12/2021)
(1)	(2)	(3)
TỔNG CỘNG		1.957.176.727
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH	1.572.097.613
1	Văn phòng Tỉnh ủy	17.536.000
2	Văn phòng UBND tỉnh	29.166.000
3	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh	12.780.000
4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	12.500.000
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	7.000.000
6	Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy	9.483.000
7	Ban Nội chính Tỉnh ủy	6.800.000
8	Ban Dân vận Tỉnh ủy	10.350.000
9	Đảng ủy khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh	14.600.000
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	38.155.000
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	80.815.977
12	Sở Nông nghiệp và PTNT	51.751.000
13	Sở Công thương	29.999.000
14	Sở Tư pháp	10.700.000
15	Sở Xây dựng	22.191.000
16	Sở Giao thông vận tải	72.311.957
17	Sở Giáo dục và Đào tạo	46.831.000
18	Sở Nội vụ	10.834.000
19	Sở Tài chính	25.357.000
20	Sở Y tế	648.218.941
21	Sở Khoa học và Công nghệ	17.790.000
22	Sở Kế hoạch và Đầu tư	16.078.000
23	Sở Thông tin và Truyền thông	10.100.000
24	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	68.946.497
25	Sở Ngoại vụ	5.462.000
26	Ban Dân tộc	7.460.000
27	Thanh tra tỉnh	10.600.000
28	Viện Nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá	19.533.000
29	Báo Thanh Hoá	16.636.000
30	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	52.028.000

31	Trường Đại học Hồng Đức	70.000.000
32	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	37.637.400
33	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hoá	2.000.000
34	Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch	4.081.000
35	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hoá	9.710.000
36	Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hoá	11.149.000
37	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp Thanh Hoá	24.635.841
38	Viện quy hoạch kiến trúc Thanh Hoá	27.231.000
39	Trung tâm Hành chính công tỉnh Thanh Hoá	3.640.000
II	CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI CẤP TỈNH	33.009.000
1	Tỉnh đoàn Thanh Hoá	8.547.000
2	UB MTTQ tỉnh	6.800.000
3	Hội Nông dân tỉnh	10.060.000
4	Hội Chữ thập đỏ	2.652.000
5	Liên minh các HTX tỉnh Thanh Hóa	4.950.000
III	CƠ QUAN THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	352.070.114
1	Tòa án nhân dân tỉnh TH	13.666.000
2	Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh TH	26.350.000
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh TH	15.000.000
4	Ngân hàng Nhà nước tỉnh TH	13.000.000
5	Cục Quản lý thị trường tỉnh	36.220.000
6	Cục Thống kê Thanh Hóa	11.027.725
7	Cục Thuế tỉnh TH	42.299.300
8	Cục Hải quan tỉnh TH	10.000.000
9	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa	7.692.375
10	Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa	39.575.365
11	Cảng vụ Hàng hải tỉnh TH	10.216.000
12	Kho 661, Cục xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	42.471.000
13	Kho K822, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	64.274.000
14	Kho K826, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	20.278.349

Phụ biểu 02:

KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TỪ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NỘP VỀ TÀI KHOẢN CƠ QUAN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / / 2022 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

DVT: VN Đồng

STT	UBND huyện, thị xã, thành phố	Kết quả thu, nộp (77%)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)
Tổng		18.025.421.240	
1	Thành phố Thanh Hóa	1.555.214.622	
2	Thành phố Sầm Sơn	251.000.000	
3	Thị xã Bỉm Sơn	324.917.728	
4	Thị xã Nghi Sơn	1.333.681.000	
5	Huyện Vĩnh Lộc	492.400.000	
6	Huyện Nông Cống	985.336.000	
7	Huyện Thiệu Hóa	836.227.000	
8	Huyện Triệu Sơn	925.738.310	
9	Huyện Yên Định	393.875.000	
10	Huyện Thọ Xuân	1.100.000.000	
11	Huyện Hà Trung	683.361.000	
12	Huyện Đông Sơn	270.000.000	
13	Huyện Quảng Xương	911.049.765	
14	Huyện Hoằng Hóa	1.360.000.000	
15	Huyện Hậu Lộc	714.409.000	
16	Huyện Nga Sơn	992.000.000	
17	Huyện Như Thanh	394.385.000	
18	Huyện Thạch Thành	1.143.141.000	
19	Huyện Cẩm Thủy	676.886.000	
20	Huyện Ngọc Lặc	617.532.559	
21	Huyện Như Xuân	287.709.000	
22	Huyện Thường Xuân	449.064.794	
23	Huyện Lang Chánh	181.000.000	
24	Huyện Bá Thước	532.754.000	
25	Huyện Quan Hóa	247.306.223	
26	Huyện Quan Sơn	204.001.239	
27	Huyện Mường Lát	162.432.000	

Phụ biểu 03:

**KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỪ KHỐI LỰC LƯỢNG VŨ TRANG, NĂM 2021**

*(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / / 2022 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển
rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)*

ĐVT: VN Đồng

STT	Đơn vị	Kết quả thu, nộp	Ghi chú
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>
1	Bộ Chỉ huy quân sự quân sự tỉnh	225.000.000	
2	Công an tỉnh	350.000.000	
3	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	222.300.000	
Tổng		797.300.000	

Phụ biểu 04:

KẾT QUẢ THU, NỘP QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
TỪ CÁC DOANH NGHIỆP DO CỤC THUẾ TỈNH QUẢN LÝ, NĂM 2021
 (Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / / 2022 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển
 rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Tên Doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng cộng	3.938.996.555	
1	C.Ty TNHH KH Vina	11.823.000	
2	Công ty TNHH Duyệt Cường	46.734.560	
3	C.ty cổ phần bia Hà Nội - Thanh Hoá	43.032.000	
4	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Nga Sơn Thanh Hóa	6.022.000	
5	C.Ty TNHH May Sumec Việt Nam	106.387	
6	C.ty TNHH MTV xô số kiến thiết Thanh Hóa	9.926.000	
7	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Hà Trung Thanh Hóa	4.015.000	
8	Ngân Hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi Nhánh Thị Xã Bim Sơn Thanh Hóa	4.222.000	
9	C.ty TNHH MTV cảng DV dầu khí Thợp PTSC Thanh Hóa (Khu kinh tế Nghi Sơn xã Hải Hà, Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá)	131.661.520	
10	C.Ty TNHH Giấy Venus Việt Nam	100.000.000	
11	C.Ty Cổ Phần giống gia súc Thanh Ninh	5.480.000	
12	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Thanh Hóa	84.730.053	
13	C.Ty TNHH Giấy Aresa Việt Nam	61.210.000	
14	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Bắc Thanh Hoá	10.030.000	
15	C.ty CP Thiết bị giáo dục Hồng Đức	10.000.000	
16	C.Ty TNHH Giấy Aleron Việt Nam	100.000.000	
17	C.Ty Cổ Phần Anh Phương Thanh Hóa	500.000	
18	C.Ty TNHH Giấy Weilina Việt Nam	950.000	
19	C.Ty TNHH MTV thuốc lá Thanh Hóa	183.571.000	
20	C.Ty cổ phần Giống cây trồng Thanh Hóa	3.025.000	
21	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Vĩnh Lộc Thanh Hóa	4.015.000	
22	C.Ty TNHH MTV Thành Công	1.200.000	
23	C.Ty TNHH Đường Mía Việt Nam - Đài Loan	129.761.200	
24	C.Ty TNHH May Mặc Xuất Khẩu Appareltech Vĩnh Lộc	33.310.000	
25	C.ty TNHH MTV thủy lợi Nam Sông Mã	130.189.000	
26	C.Ty TNHH Phát Triển Đô Thị Đông Á Sầm Sơn	500.000	
27	Ngân hàng nông nghiệp & PTNT Việt Nam - CN Nam Thanh Hóa	44.747.000	
28	Nhà nghỉ dưỡng Phương Thanh Sầm Sơn	7.474.833	
29	C.ty TNHH hai thành viên Lam Sơn	10.301.000	

STT	Tên Doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
30	C.Ty TNHH Giấy Alina Việt Nam	12.995.000	
31	C.Ty Bảo Minh Thanh Hoá	2.375.000	
32	C.Ty TNHH Kuwait Việt Nam Petrochemicals	8.701.000	
33	C.ty TNHH MTV BNB Thanh Hóa	11.478.000	
34	C.Ty TNHH MTV Tân Thành 9	24.479.000	
35	C.Ty cổ phần bê tông thương phẩm Thanh Hoá	5.589.000	
36	C.Ty TNHH Giấy Roll Sport Việt Nam	100.000.000	
37	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Hậu Lộc Thanh Hóa	3.376.989	
38	C.Ty Cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Thanh Hoá	33.067.700	
39	Tổng C.ty cổ phần xây dựng Thanh Hoá	112.533.000	
40	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Hoằng Hóa Thanh Hóa	6.967.000	
41	C.Ty TNHH Giấy Sun Jade Việt Nam	100.000.000	
42	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Thạch Thành Thanh Hóa	5.432.000	
43	C.Ty TNHH Sunhomes Laboratory Việt Nam	19.250.000	
44	C.Ty TNHH Giấy Annora Việt Nam	100.000.000	
45	C.ty cổ phần điện cơ và xây lắp công trình TH	17.352.000	
46	C.Ty cổ phần giấy bao bì In báo	4.000.000	
47	C.Ty cổ phần XD giao thông 1 Thanh Hoá	5.000.000	
48	C.Ty cổ phần nước mắm Thiên Hương	3.203.000	
49	C.ty TNHH MTV cảng tổng hợp quốc tế Nghi sơn	29.490.000	
50	C.Ty TNHH MTV Chính Minh Mạc Thuận	4.218.000	
51	C.ty cổ phần dược vật tư y tế Thanh Hoá	95.380.000	
52	C.ty cổ phần giống dân quyền	5.401.000	
53	C.Ty cổ phần Seceptine & phân bón Thanh Hoá	13.168.000	
54	C.ty TNHH một thành viên bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa	142.035.412	
55	C.Ty TNHH Giấy Kim Việt Việt Nam	76.942.000	
56	C.ty cổ phần thủy điện Xuân Minh	97.229.000	
57	C.Ty TNHH Đầu Tư & PT Eagle Huge Việt Nam	100.000.000	
58	C.Ty TNHH Đầu Tư & PT Hong Fu Việt Nam	100.000.000	
59	C.Ty TNHH S&h Vina	94.996.062	
60	C.Ty xăng dầu Thanh Hóa - C.ty TNHH	129.212.000	
61	C.ty TNHH MTV Thép VAS Nghi Sơn	140.097.113	
62	C.Ty TNHH May Man Seon Global	4.338.000	
63	C.ty TNHH MTV thủy nông sông Chu	220.648.000	
64	C.ty TNHH hạt giống HANA	14.786.000	
65	C.ty cổ phần mía đường Thanh Hoá	15.400.200	
66	C.ty cổ phần súc sản XK	5.311.000	
67	C.Ty TNHH Winners Vina	58.158.200	
68	C.ty cổ phần dịch vụ nước sạch Triệu Sơn	14.894.000	
69	C.ty TNHH MTV Thủy Lợi Bắc Sông Mã	66.974.000	
70	C.ty CP Cromit Nam Việt	26.072.000	
71	C.ty cổ phần gang thép Nghi Sơn	147.690.526	

STT	Tên Doanh nghiệp	Tổng số tiền đóng góp	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
72	C.Ty Cổ phần ĐT&DL Đại Dương Xanh	2.360.000	
73	C.ty TNHH MTV du lịch Thanh Tam	500.000	
74	C.ty TNHH xây dựng và thương mại dịch vụ Quốc Hưng	2.000.000	
75	C.ty cổ phần xi măng Bim Sơn	274.138.462	
76	C.ty cổ phần phân bón Lam Sơn	19.605.000	
77	C.Ty TNHH Tae Il Beauty	10.686.000	
78	C.ty cổ phần giấy Lam Sơn Thanh Hóa	47.953.000	
79	C.Ty TNHH Lionas Metals	9.240.000	
80	C.Ty TNHH Peci Việt Nam	88.897.538	
81	C.Ty TNHH MTV Tce Jeans	100.000.000	
82	C.ty cổ phần vicem bao bì Bim Sơn	10.000.000	
83	Chi nhánh công ty TNHH MTV bò sữa VN - Trang trại Bò sữa Như Thanh	10.865.200	
84	NH TMCP DTPT VN HOI SO CHINH	5.975.600	

Phụ biểu 05:

**CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN THU, NỘP TRỰC TIẾP
VỀ TÀI KHOẢN QUỸ CẤP TỈNH, NĂM 2021**

(Kèm theo Thông báo số: /TB-BQLQ ngày / / 2022 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

**Hình thức nộp tiền: Chuyển khoản trực tiếp về tài khoản
của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa**

DVT: VN Đồng

STT	Tên công ty, đơn vị	Số tiền thực tế thu được (Tính đến ngày 31/12/2021)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
	Tổng	820.581.510	
1	Bệnh viện Đa khoa Quảng Xương	30.000.000	
2	Trung tâm Y tế huyện Cẩm Thủy	2.620.000	
3	Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lộc	5.449.000	
4	Bệnh viện Đa khoa Sầm Sơn	9.259.795	
5	Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hoá	24.000.000	
6	Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Thanh Hoá	3.359.000	
7	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thanh Hoá	15.784.091	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh	7.288.000	
9	Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc	32.370.000	
10	Bệnh viện Đa khoa huyện Thọ Xuân	37.195.000	
11	Công đoàn cơ sở, Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Định	28.766.000	
12	Trung tâm y tế Thành phố Sầm Sơn	5.950.000	
13	Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Sơn	20.860.000	
14	Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn	17.553.000	
15	Trung tâm y tế huyện Hậu Lộc	28.818.000	
16	Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành	33.226.000	
17	Trung tâm y tế huyện Hà Trung	20.263.083	
18	Bệnh viện Đa khoa TX Bỉm Sơn	27.580.000	
19	Bệnh viện Đa khoa TP. Thanh Hoá	7.200.000	
20	Huyện Mường Lát	13.968.000	
21	Trung tâm y tế TX Bỉm Sơn	10.018.000	
22	Trung tâm y tế huyện Nông Cống	8.570.000	
23	Trung tâm y tế TP. Thanh Hoá	24.039.996	
24	Hạt kiểm lâm Thọ Xuân	1.020.000	
25	Hạt kiểm lâm huyện Quan Sơn	3.060.000	
26	Hạt kiểm lâm huyện Thường Xuân	3.300.000	
27	Hạt kiểm lâm TP. Thanh Hoá	2.100.000	
28	Hạt kiểm lâm huyện Cẩm Thủy	2.010.000	
29	Hạt kiểm lâm huyện Lang Chánh	2.120.000	
30	Hạt kiểm lâm huyện Mường Lát	3.155.000	

31	Hạt kiểm lâm huyện Như Thanh	3.216.000	
32	Hạt kiểm lâm huyện Ngọc Lặc	2.600.000	
33	Hạt kiểm lâm huyện Nông Cống	1.830.000	
34	Hạt kiểm lâm huyện Như Xuân	3.446.000	
35	KXĐ Huyện Hà Trung	3.120.000	
36	Bệnh viện Đa khoa Huyện Thiệu Hoá	23.800.000	
37	Cty CP Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Lam Sơn	22.159.200	
38	CN Cty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam - Trang trại bò sữa Thanh Hoá (5000268824-004)	9.329.900	
39	Trường THPT Ngọc Lặc	15.935.000	
40	Nguyễn Thị Vui	3.670.000	
41	Trường THCS và THPT Quan Sơn	5.522.000	
42	Trường THPTDT nội trú Ngọc Lặc	9.126.000	
43	Trường THPT Thường Xuân 2	6.742.000	
44	Trường THCS và THPT Như Thanh	9.230.000	
45	Trường THPT Chu Văn An	21.540.000	
46	Trường THPT Thọ Xuân 4	7.245.000	
47	Trường THPT Đặng Thai Mai	7.100.000	
48	Trường THPT Sầm Sơn	12.227.000	
49	Trường THPT Tĩnh Gia 2	6.000.000	
50	Trường THPT Yên Định 2	13.260.000	
51	Trường THPT Nguyễn Thị Lợi	10.000.000	
52	Trung tâm y tế huyện Ngọc Lặc	21.853.445	
53	Trường THPT Lê Lợi Thọ Xuân	14.926.000	
54	Trường THPT Quảng Xương 1	10.480.000	
55	Trường THCS và THPT Thống Nhất	8.200.000	
56	Ban Nghiên cứu và Biên soạn lịch sử Thanh Hóa	1.800.000	
57	CTy TNHH xây dựng và TM Phú Hùng	500.000	
58	Nguyễn Trung Khang	472.000	
59	Trung tâm y tế huyện Đông Sơn	6.700.000	
60	Trường THPT Lang Chánh	8.380.000	
61	Trường THPT Như Xuân	8.718.000	
62	Trường THPT Yên Định 3	11.350.000	
63	Trường THPT Đào Duy Từ	15.000.000	
64	Trường THPT Nguyễn Trãi	11.943.000	
65	Trường THPT Tĩnh Gia 4	15.000.000	
66	Trường THPT Lam Kinh	10.959.000	
67	Trường THPT Hậu Lộc 4	13.800.000	
68	Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường Tân Sơn	20.000.000	
69	Trường PTTH triệu sơn 5	8.000.000	
70	Trung tâm y tế huyện Lang Chánh	4.500.000	

Phụ biểu 06:

CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG THU, NỘP THEO KẾ HOẠCH NĂM 2020

(Gửi về tài khoản Quỹ cấp tỉnh sau ngày 31/12/2020)

(Kèm theo Báo cáo số: /TB-BQLQ ngày / / 2022 của BQL Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: VN Đồng

STT	Tên đơn vị	Cộng	Nộp trực tiếp về tài khoản Quỹ cấp tỉnh	UBND cấp huyện để lại (23%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng		3.040.214.315	2.351.689.455	688.524.859	
1	UBND thị xã Nghi Sơn	1.296.872.727	998.592.000	298.280.727	
2	UBND huyện Ngọc Lặc	845.131.800	650.751.486	194.380.314	
3	UBND huyện Thọ Xuân	461.971.429	355.718.000	106.253.429	
4	UBND thị xã Sầm Sơn	389.610.390	300.000.000	89.610.390	
5	Liên đoàn Lao động tỉnh	14.004.469	14.004.469		
6	Trung tâm huấn luyện Thể dục thể thao TH	31.174.500	31.174.500		
7	Chuyển trả LCC	1.449.000	1.449.000		<i>Ngày 15/02/2021</i>



Tuyen
Ngày ký: 07/01/2022 10:09:29
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Thanh Hóa
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 12 Năm 2021

Tên đơn vị: BQL quỹ bảo vệ, PT rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh

Mã ĐVQHNS: 9083324

Địa chỉ: 49 Đại Lộ Lê Lợi - TP Thanh Hóa

Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3761.0.9083324.91049				
Số dư đầu kỳ	48.206.510.467			
Phát sinh tăng trong kỳ	27.891.165.487			
Phát sinh giảm trong kỳ	21.844.493.825			
Số dư cuối kỳ	54.253.182.129			
Tài khoản: 3741.0.9083324.92999				
Số dư đầu kỳ	2.737.425.804			
Phát sinh tăng trong kỳ	134.413.900			
Phát sinh giảm trong kỳ	2.871.839.704			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3743.0.9083324.92999				
Số dư đầu kỳ	1.276.671.600			
Phát sinh tăng trong kỳ	11.436.558.704			
Phát sinh giảm trong kỳ	4.145.745.000			
Số dư cuối kỳ	8.567.485.304			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 7 tháng 1 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

Thu Do Thi Anh

Người ký: Tuyen Nguyen Thi Minh
Ngày ký: 07/01/2022 10:09:29
Chức danh: Phó trưởng phòng
Đơn vị: VP KBNN Thanh Hóa

Tuyen Nguyen Thi Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 5 tháng 1 năm 2022

Kế toán trưởng

Chủ tài khoản

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Phan Thị Phương
Ngày ký: 05/01/2022 11:36:53
Đơn vị: BQL quỹ bảo vệ, PT rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

Phan Thị Phương

Người ký: Lê Công Cường
Ngày ký: 05/01/2022 16:41:47
Đơn vị: BQL quỹ bảo vệ, PT rừng và phòng chống thiên tai tỉnh Thanh Hóa

Lê Công Cường